TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ – TP HÀ NỘI** **-----***-----**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **-----***-----**
Số: **21**/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh trì, ngày 27 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 545/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc " Xin ly hôn", giữa:

*Nguyên đơn: **Chị Trần Thị H** , sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

*Bị đơn: **Anh Nguyễn Quang L**, sinh năm 1981

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19tháng 12năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1982.
- Anh **Nguyễn Quang L,** sinh năm 1981

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Quang L xác nhận mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còncùng thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Quang L xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang V (Giới tính nam), sinh ngày 06.12.2007 và cháu Nguyễn Quang Trần N (Giới tính nam), sinh ngày 22.4.2013, sức khỏe bình thường.

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh chị: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang Trần N; Giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang V kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về án phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp, chị Hương được nhận lại số tiền 150.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0009230 ngày 15/10/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận **:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Thanh Trì;
- Chi cục Thi hành án Dân sự H.Thanh Trì;
- UBND xã V, huyện T, Hà Nội
(Giấy chứng nhận kết hôn số 93, ngày19/6/2006);
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

(đã ký)

Lê Huyền Thu